

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 15/8/2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thời và bà Hà Thị Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Văn Việt- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Thế H1**, sinh năm 1962; đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 4x, đường LTN, khu 1, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Tăng Thị H2**, sinh năm 1975; đăng ký HKTT: Số 4x, đường LTN, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: Thôn Đ, xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ liên hệ: Thôn T, xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Tăng Mạnh Th, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 1 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đồng Văn D, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Ông H1 và bà H2 có mặt; những người làm chứng có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Phạm Thế H1** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà **Tăng Thị H2** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã ĐX, huyện NG, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/7/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống hàng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

bất đồng về quan điểm, tính cách và trong việc nuôi dạy con. Ông tham gia góp ý nhưng bà H2 không nghe, dẫn đến hai vợ chồng xảy ra va chạm. Có lần ông tát bà H2, bà H2 gọi các anh chị trong gia đình đến nói chuyện, ông xin lỗi và hứa không đánh bà H2 nữa. Giữa hai vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Cuối tháng 2/2022 (âm lịch) bà H2 để quên tiền ở trong nhà tắm, ông góp ý nhưng bà H2 không tiếp thu, ông tức giận nên có dọa đánh bà H2, đến tối ông làm lạnh với bà H2 nhưng bà lại si nhục ông. Ngày 27/2/2022 (âm lịch) bà H2 đã gọi anh chị bà H2 đến đón bà về quê sinh sống ở thôn Đ, xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Lúc đầu ông xuống gặp bà H2 và gia đình vợ để tìm cách giải quyết nhưng bà H2 không đồng ý đoàn tụ, bảo ông không đến nữa. Ông bà sống ly thân từ cuối tháng 3/2022 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H2.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thế B, sinh ngày 19/4/2001 và Phạm Quỳnh Gi, sinh ngày 27/6/2003. Các cháu đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Ông H1 trình bày ông làm kinh doanh buôn bán đồ gỗ, tên cửa hàng là “H1 gỗ” tại nhà riêng, thu nhập hàng tháng không xác định được do thời điểm mấy năm nay bị dịch bệnh COVID-19 kinh doanh khó khăn nên không có doanh thu, ông phải lấy tiền tiết kiệm ra để chi phí sinh hoạt và nuôi con ăn học. Mặt khác, bà H2 khỏe mạnh, cũng có tiền riêng 1.710.000.000 đồng có được từ việc vợ chồng bán thửa đất ở khu AP, đường HTM, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào tháng 4/2022. Do đó, ông không nhất trí cấp dưỡng như yêu cầu của bà H2.

*Tại bản tự khai, lời khai của bị đơn bà Tăng Thị H2 thể hiện:* Về quan hệ hôn nhân: Bà xác định bà và ông H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn như ông H1 trình bày là đúng. Sau 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H1 thường xuyên có hành vi xúc phạm, chửi bới, đánh đập bà. Vào năm 2003 bà đang có thai 06 tháng, con lớn là Bình muốn về quê ngoại chơi, ông H1 không đồng ý, vợ chồng lời qua tiếng lại, ông H1 đã đánh bà. Bà nhịn ăn hai ngày, sau ông H1 xin lỗi bà đã bỏ qua. Cuộc sống vợ chồng lại bình thường dù vẫn xảy ra bất đồng quan điểm. Khoảng năm 2005-2006 hai vợ chồng vào Miền Nam sinh sống, phải ở trọ, cuộc sống khó khăn. Thời gian đó, ông bà thường xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, ông H1 đã đánh bà khiến bà phải nhập viện. Đến năm 2008, vợ chồng về Hải Dương sinh sống, đến năm 2010 bà vay mượn tiền mở cửa hàng kinh doanh đồ gỗ, ông H1 không giúp được việc gì mà thường xuyên đi chơi, bà góp ý nhưng ông H1 không tiếp thu mà còn mắng chửi bà. Bà luôn bị bạo hành về tinh thần lẫn thể xác, nhiều lần bị ông H1 chửi, xỉ nhục, hành hung, đe dọa và đuổi ra khỏi nhà. Bà đã cố gắng chịu đựng để cho yên cửa yên nhà, mong các con khôn lớn trưởng thành hiểu chuyện. Vào thời điểm cuối tháng 2/2022 (âm lịch), bà để quên tiền ở nhà tắm, ông H1 đã mắng, xỉ nhục, xúc phạm bà rồi lại xin lỗi. Bà không chấp nhận cuộc sống như vậy nên

quyết định sống ly thân về quê ngoại ở. Nay ông H1 làm đơn xin ly hôn bà, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H1 có hai con chung như ông H1 trình bày là đúng, các cháu đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Tại bản tự khai ngày 20/4/2022, văn bản ý kiến của bà H2 ngày 17/4/2022, biên bản lấy lời khai của bà H2 ngày 24/6/2022, bà H2 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng đối với quyền sử dụng thửa đất số x5, tờ bản đồ số x8, diện tích 117,9m<sup>2</sup> ở số 4x, LTN, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, trên đất có 01 ngôi nhà bê tông cốt thép, diện tích hơn 100m<sup>2</sup>. Các yêu cầu khác như đối với hàng hóa là đồ gỗ đang kinh doanh tại nhà; số tiền trong tài khoản ngân hàng; 01 chiếc xe máy Dream và 01 chiếc xe máy Vision...: bà không yêu cầu giải quyết. Tại Đơn đề nghị của bà H2 ghi ngày 01/7/2022 và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên H2 giải ngày 14/7/2022, bà H2 trình bày quan điểm không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung, công sức, bà chỉ đề nghị ông H2 cấp dưỡng sau ly hôn cho bà với số tiền 2 tỷ đồng để bà sinh sống và nuôi con. Hiện nay sức khỏe bà bình thường, chưa tìm được việc làm nên không có thu nhập. Nhà cửa, cửa hàng bà đã để lại cho ông H1 hết, hiện bà phải đi ở nhờ nhà anh chị, không có tài sản gì để đảm bảo cho cuộc sống của bản thân. Về tiền chi tiêu hàng ngày: Năm 2011 vợ chồng mua được một mảnh đất ở khu AP, đường HTM, phường TB, thành phố Hải Dương đến năm 2022 bán được 3,4 tỷ đồng. Ông bà chia nhau mỗi người được 1,7 tỷ đồng. Từ khi sống ly thân bà sử dụng số tiền 1,7 tỷ đồng này để chi phí sinh hoạt cho cá nhân. Mặc dù các con đã trên 18 tuổi nhưng vẫn đang học đại học (cháu B học Đại học công nghiệp, cháu Giang học Đại học kỹ thuật công nghiệp), bà vẫn phải chu cấp tiền hàng tháng cho cháu Giang ăn học. Bà muốn mua nhà đất tạo dựng cuộc sống mới sau khi vợ chồng ly hôn nhưng không đủ tiền, hiện nay cuộc sống khó khăn, thiếu thốn nên đề nghị ông H1 cấp dưỡng cho bà số tiền 2 tỷ đồng để bà tạo lập cuộc sống mới.

*Kết quả xác minh, làm việc với Trưởng Khu dân cư số 1 phường LTN, thành phố Hải Dương thể hiện:* Ông Phạm Thế H1 và bà Tăng Thị H2 cùng hai con chung là Phạm Thế B và Phạm Quỳnh Gi sinh sống tại số nhà 479 LTN, khu 1, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Qua tìm hiểu địa phương nắm được giữa ông H1 và bà H2 nảy sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân phát sinh từ cuộc sống chung hàng ngày, từ cách suy nghĩ, ăn ở và làm ăn của hai vợ chồng không H2 hợp. Bà H2 đã về quê ngoại ở tại xã GX, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương còn ông H1 vẫn sống tại địa chỉ trên. Nay được biết ông H1, bà H2 đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tôn trọng quan điểm, quyết định của hai bên. Về con chung của ông H1, bà H2 là cháu B và cháu Giang, các cháu đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học, đi làm. Ông H1, bà H2 đều làm lao động tự do, khỏe mạnh, không thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước. Khi còn sống cùng với nhau ông H1, bà H2 kinh doanh đồ gỗ, đến khi bà H2 về ngoại sinh sống thì ông H1 vẫn sống và quản lý nhà, cửa hàng đồ gỗ.

*Lời khai của người làm chứng là ông Tăng Mạnh Th và ông Đồng Văn D là anh trai, anh rể của bà H2 thể hiện:* Trong cuộc sống vợ chồng ông H1, bà H2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà H2 đã về quê ở từ cuối tháng 3/2022 cho đến nay. Gia đình đã H2 giải, động viên vợ chồng ông H1, bà H2 nhưng cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau. Ông H1 khởi kiện xin ly hôn bà H2, các ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông H1, bà H2 có 02 con chung là Phạm Thế B, sinh năm 2001 và Phạm Quỳnh Gi, sinh năm 2003, các cháu đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống của bản thân. Quá trình chung sống với ông H1, bà H2 đã vun vén, chăm sóc gia đình, cùng xây dựng kinh tế; khi ly thân, cuộc sống của bà H2 rất khó khăn, không có nhà đất để ở, mà phải đi ở nhờ tại nhà thờ của gia đình ông, bà H2 đã đi tìm việc nhưng chưa tìm được việc làm, hiện không có việc làm, các chi phí sinh hoạt hàng ngày của bà H2 là do bà H2 tự lo liệu. Tuy hiện bà H2 vẫn còn khỏe mạnh, nhưng do đã 47 tuổi nên khả năng xin được việc làm là rất khó. Trước khi bà H2 về quê, các ông có biết vợ chồng ông H1, bà H2 đã bán 01 thửa đất trên thành phố Hải Dương, địa chỉ ở đâu, diện tích bao nhiêu và giá trị cụ thể như thế nào thì ông không biết, ông chỉ biết bà H2 được chia số tiền khoảng hơn 1 tỷ đồng. Bà H2 có nhờ anh em chúng tôi đi hỏi, tham khảo giá để bà H2 mua đất làm nhà nhưng do giá cao, bà H2 không có đủ tiền mua. Cuộc sống của bà H2 hiện rất khó khăn, anh chị em ở quê phải cuur mang, hỗ trợ bà H2. Do đó, đối với việc bà H2 đề nghị ông H1 phải cấp dưỡng cho bà H2 số tiền 2 tỷ đồng các ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của bà H2 để bà H2 ổn định cuộc sống. Thời gian vừa rồi, bà H2 có lên trên thành phố Hà Nội để trông cháu giúp vợ chồng con trai ông Th, hai bên có trả lương cho bà H2 hay không thì ông không biết.

Tại phiên tòa: Ông H1 giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn bà H2, bà H2 nhất trí ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông H1 và bà H2 không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng khi ly hôn giữa vợ chồng: Bà H2 yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho bà số tiền 2 tỷ đồng để bà tạo dựng cuộc sống vì bà không có chỗ ở, không có việc làm và phải cho con tiền ăn học, ông H1 không đồng ý cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết nội dung vụ án, xác định: Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H1, xử cho ông Phạm Thế H1 ly hôn bà Tăng Thị H2; Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn

của bà H2. Về án phí: Ông H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn do là người cao tuổi theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Phạm Thế H1 có đơn xin ly hôn bà Tăng Thị H2 sinh sống tại thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; trong quá trình giải quyết bị đơn là bà H2 đề nghị ông H1 cấp dưỡng khi ly hôn. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Phạm Thế H1 và bà Tăng Thị H2 là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã Đông Xuyên, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn, cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông H1, bà H2 là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 17/7/2000). Qua lời khai của các bên đương sự và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy: Trong cuộc sống, vợ chồng ông H1, bà H2 phát sinh nhiều mâu thuẫn về suy nghĩ, cách ăn ở, thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau, hai bên không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Đến nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cả hai đều không muốn tiếp tục chung sống cùng nhau. Ông H1 xin ly hôn, bà H2 nhất trí. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa ông H1 và bà H2 không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã chấm dứt đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông H1 cho ông bà ly hôn, là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông H1, bà H2 có hai con chung là Phạm Thế B, sinh ngày 19/4/2001 và Phạm Quỳnh Gi, sinh ngày 27/6/2003, hiện các cháu đều đã thành niên (trên 18 tuổi), đang đi học, đi làm, ông H1, bà H2 không đề nghị Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H2 đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung vợ chồng gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 18, diện tích 117,9m<sup>2</sup> ở số 4x, LTN, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, trên đất có 01 ngôi nhà bê tông cốt thép, diện tích hơn 100m<sup>2</sup>; hàng hóa là đồ gỗ đang kinh doanh tại nhà; số tiền trong tài khoản ngân hàng; 01 chiếc xe máy Dream và 01 chiếc xe máy Vision; yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/3/2022; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng như cũ... Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà H2 Thông báo số 01/TB-TA ngày 28/6/2022 và mẫu Đơn khởi kiện, hướng dẫn

bà H2 hoàn thiện thủ tục khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức cũng như cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đối với yêu cầu của mình nhưng bà H2 không thực hiện mà ngày 08/7/2022 bà nộp Đơn đề nghị Tòa án giải quyết ông H1 cấp dưỡng cho bà khi ly hôn với số tiền 2 tỷ đồng để bà mưu sinh, tạo dựng cuộc sống mới. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên H2 giải ngày 14/7/2022 cũng như tại phiên tòa, bà H2 và ông H1 đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và công sức. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung, công sức giữa ông H1 và bà H2 trong vụ án. Nếu sau này, các đương sự phát sinh tranh chấp và có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà H2 yêu cầu ông H1 cấp dưỡng cho bà khi ly hôn với số tiền là 2 tỷ đồng để bà tạo lập cuộc sống và nuôi con ăn học, ông H1 không nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy: Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình*”. Trong vụ án này, ông H1, bà H2 cũng như hai con của ông bà là Phạm Thế B, sinh năm 2001 và Phạm Quỳnh Gi, sinh năm 2003 đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, đều có khả năng lao động và tự lo cho cuộc sống của bản thân, không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chính sách của Nhà nước nên trong trường hợp này pháp luật không quy định nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi vợ chồng ly hôn nên lý do bà H2 đưa ra không có căn cứ pháp lý. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H1, bà H2 đều thừa nhận năm 2011 vợ chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở khu AP, đường HTM, phường TB, thành phố Hải Dương, tháng 4/2022 bán đi được hơn 3,4 tỷ đồng, ông bà chia nhau mỗi người được sở hữu riêng là 1,7 tỷ đồng. Như vậy, bà H2, ông H1 đều có khả năng lao động và đều có tài sản để tự nuôi mình. Cả hai bên phải tự xoay sở cho cuộc sống của bản thân, không ai có trách nhiệm cấp dưỡng cho ai.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy không có căn cứ để buộc ông H1 phải cấp dưỡng cho bà H2 nên yêu cầu cấp dưỡng của bà H2 không được chấp nhận.

[4] Án phí: Ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn). Do ông H1 sinh ngày 18/3/1962 là người cao tuổi (theo Điều 2 Luật Người cao tuổi), ông H1 đề nghị được miễn nộp tiền án phí. Vì vậy, HĐXX miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho ông H1, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- ông Phạm Thế H1.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Thế H1 ly hôn bà Tăng Thị H2.

2. Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không chấp nhận yêu cầu của bà H2 về việc đề nghị ông H1 phải cấp dưỡng cho bà H2 số tiền 2.000.000.000đồng.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho ông Phạm Thế H1.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/8/2022)/.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐX, huyện NG, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch, GCNKH số 12 ngày 17/7/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký tên, đóng dấu)  
**Trịnh Thị Ngọc Mai**